

Bản án số: **202/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 24/7/2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp về con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Ngọc Long

Ông Nguyễn Đức Kha

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 24/7/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 165/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/6/2024 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1985 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: **C Chung cư B, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang**

* **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1983 (Xin vắng mặt)

HKTT: **Tổ dân phố K, phường D, TP B, tỉnh Bắc Giang.**

Hiện đang ở tại: **L - Angola.**

Người đại diện nhận văn bản tố tụng của anh **H1**: Chị **Nguyễn Thị Mai L**, sinh năm 2004; địa chỉ: **Tổ dân phố K, phường D, TP B, tỉnh Bắc Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện chị **Vũ Thị H** trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Văn H1** kết hôn với nhau ngày 20/02/2004, việc kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại **UBND xã phường D, TP B**. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống hạnh phúc và đã có 02 con chung. Năm 2008 anh **H1** đi xuất khẩu lao động tại Angola và sinh sống tại **A** từ đó đến nay. Hiện nay giữa chị và anh **H1** đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng,

nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và không cùng chí hướng. Đến nay giữa chị và anh **H1** đã không quan tâm nhau nữa, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh **Nguyễn Văn H1** được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Nguyễn Thị Mai L**, sinh năm 2004 và **Nguyễn Thị Quỳnh C**, sinh năm 2015. Hiện nay cháu **L** đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu **C** hiện đang sinh sống cùng chị, khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu **C** cho chị nuôi dưỡng, chị không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn là anh **Nguyễn Văn H1** có văn bản trình bày:* Anh và chị **Vũ Thị H** kết hôn với nhau ngày 20/02/2004 và có đăng ký kết hôn tại **UBND phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang**. Đến năm 2008 anh đi xuất khẩu lao động tại Angola và sinh sống tại Angola từ đó đến nay. Giữa anh và chị **Vũ Thị H** đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ lâu. Vì vậy anh đồng ý ly hôn với chị **Vũ Thị H**.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu **Nguyễn Thị Mai L**, sinh ngày 22/12/2004 và cháu **Nguyễn Thị Quỳnh C**, sinh ngày 29/9/2015. Cháu **L** đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu **C** hiện đang sinh sống cùng chị **H**, khi ly hôn anh đồng ý để chị **H** nuôi dưỡng cháu **C**, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã làm việc với cháu **Nguyễn Thị Quỳnh C**, cháu có nguyện vọng được ở với chị **Vũ Thị H**.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị **H** và anh **H1** đều xin vắng mặt và giữ nguyên ý kiến. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Vũ Thị H**.

Cho chị **Vũ Thị H** được ly hôn anh **Nguyễn Văn H1**.

Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Thị Quỳnh C** cho chị **Vũ Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị **Vũ Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị **Vũ Thị H** có đơn đề nghị ly hôn và giải quyết vấn đề con chung với anh **Nguyễn Văn H1**. Bị đơn anh **Nguyễn Văn H1** là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang hiện đang sinh sống tại Angola. Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh **Nguyễn Văn H1** đang sinh sống ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Chị **Vũ Thị H** và anh **Nguyễn Văn H1** đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Vũ Thị H** và anh **Nguyễn Văn H1** kết hôn với nhau ngày 20/02/2004 tại **UBND phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang**, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Việc chị **Vũ Thị H** đề nghị ly hôn HĐXX thấy: anh **Nguyễn Văn H1** hiện nay sinh sống với **A**, còn chị **Vũ Thị H** hiện đang sinh sống ở Việt Nam, vợ chồng anh chị mỗi người sinh sống một nơi, tình cảm vợ chồng ngày một xa cách. Anh chị đều xác định hiện nay tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị **H** khởi kiện đề nghị ly hôn, anh **H1** đồng ý ly hôn. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Vũ Thị H**, xử cho chị **Vũ Thị H** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn H1**.

[4]. Về con chung: Chị **Vũ Thị H** và anh **Nguyễn Văn H1** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Thị Mai L**, sinh ngày 22/12/2004 và cháu **Nguyễn Thị Quỳnh C**,

sinh ngày 29/9/2015. Đối với cháu **L** đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét. Đối với cháu **C** hiện nay đang ở cùng chị **H** và cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh **H1** hiện đang sinh sống ở nước ngoài và đồng ý giao cháu **C** cho chị **H** nuôi dưỡng. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của cháu **C**, cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị **H** được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu **Nguyễn Thị Quỳnh C**.

Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Chị **Vũ Thị H** và anh **Nguyễn Văn H1** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị **Vũ Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Vũ Thị H**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Vũ Thị H** được ly hôn anh **Nguyễn Văn H1**.

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Thị Quỳnh C**, sinh ngày 29/9/2015 cho chị **Vũ Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị **Vũ Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001328 ngày 24/6/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh **Nguyễn Văn H1** hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị **Vũ Thị H** cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND phường Dĩnh Kế, TP Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hương